

Bảng 4: Sự khác biệt về trí nhớ xúc giác của trẻ 9-11 tuổi

stt	Thông số	9 tuổi		10 tuổi		11 tuổi	
		t	p	t	p	t	p
1	Nam- tay phải-tay trái	0,49	-	3,13	0,01	4,21	0,001
2	Nam- tay phải-hai tay	1,34	-	3,76	0,001	6,19	0,001
3	Nam- tay trái-hai tay	1,34	-	1,52	-	2,10	0,05
4	Nam- Nữ-tay trái	0,27	-	1,20	-	3,70	0,001
5	Nam- Nữ-tay phải	2,20	0,05	0,88	-	1,08	-
6	Nam- Nữ- hai tay	2,89	0,01	0,91	-	5,93	0,001
7	Nam- Cả 2 giới-tay trái	0,15	-	0,56	-	2,10	0,05
8	Nam- Cả 2 giới -tay phải	1,53	-	0,00	-	0,82	-
9	Nam-Cả 2 giới- Hai tay	1,15	-	2,73	0,01	1,21	-
10	Nữ- tay phải-tay trái	1,91	-	0,63	-	0,80	-
11	Nữ- tay phải-Hai tay	0,28	-	1,60	-	0,22	-
12	Nữ- tay trái-Hai tay	1,63	-	1,17	-	0,51	-
13	Nữ- Cả 2 giới -tay trái	0,17	-	1,89	-	2,10	0,05
14	Nữ- Cả 2 giới -tay phải	1,01	-	1,06	-	0,43	-
15	Nữ- Cả 2 giới - Hai tay	2,06	0,05	3,27	0,01	5,51	0,001
16	Cả 2 giới -tay phải-tay trái	1,54	-	4,76	0,001	3,58	0,001
17	Cả 2 giới -tay phải- Hai tay	1,70	-	8,21	0,001	7,55	0,001
18	Cả 2 giới -tay trái- hai tay	0,24	-	4,78	0,001	3,60	0,001

Bảng 5: Sự khác biệt về trí nhớ xúc giác giữa các lớp 3-4-5

stt	Thông số	t	p
1	Nam lớp 3- lớp 4- tay trái	4,38	0,001
2	Nam lớp 3- lớp 4- Hai tay	4,44	0,001
3	Nữ lớp 3- lớp 4- tay phải	3,17	0,01
4	Nữ lớp 3- lớp 4- tay trái	2,29	0,05
5	Nữ lớp 3- lớp 4- Hai tay	4,17	0,001
6	lớp 3- lớp 4- tay phải	2,33	0,05
7	lớp 3- lớp 4- tay trái	6,73	0,001
8	lớp 3- lớp 4- Hai tay	9,41	0,001
9	Nam lớp 4- lớp 5- tay trái	2,60	0,05
10	Nam lớp 4- lớp 5- Hai tay	2,98	0,01
11	Nữ lớp 4- lớp 5- Hai tay	2,09	0,05
12	Nam lớp 3- lớp 5- tay trái	6,49	0,001
13	Nam lớp 3- lớp 5- Hai tay	7,72	0,001
14	Nữ lớp 3- lớp 5- tay phải	2,09	0,05
15	lớp 3-lớp5- tay phải	2,14	0,05
16	lớp 3-lớp5- tay trái	5,17	0,001
17	lớp 3- lớp 5- Hai tay	9,25	0,001

ơ quan thụ cảm sờ mó của da và đặc biệt phản ánh sự phát triển mạnh của hệ thần kinh giai đoạn 11 tuổi ở trẻ.

Sự khác biệt trong phát triển bán cầu đại não phải, trái và sự phối hợp hoạt động của hai bán cầu đại não tiếp tục được duy trì ở nam và cả 2 giới. Tay trái và hai tay của nam vẫn thực hiện công việc có hiệu quả hơn so với nữ cùng

tuổi (Bảng 4).

2.4. Đặc điểm phát triển trí nhớ xúc giác của trẻ 9-11 tuổi

Giai đoạn 10 tuổi là giai đoạn quan trọng trong sự phát triển xúc giác ở cả nam và nữ. Tính không đối xứng trong hoạt động bán cầu não phải ngày càng được thể hiện rõ và chiếm ưu thế từ lớp 3 qua lớp 4 đến lớp 5 ở học sinh nam. Khả năng phối hợp giữa hai bán cầu não phải và trái phát triển và hiệu quả hơn ở học sinh nam từ lớp 3 qua

lớp 4 đến lớp 5. Trí nhớ xúc giác ở nữ lớp 4 phát triển cao hơn lớp 3 thể hiện ở cả tay phải, tay trái và hai tay. Nhưng từ lớp 4 đến lớp 5 ở nữ chỉ tiếp tục phát triển khả năng phối hợp hoạt động giữa hai bán cầu não trái và bán cầu não phải. Trong 10-11 tuổi đã có sự khác nhau về giới trong quá trình phát triển trí nhớ xúc giác và khả năng sử dụng giác quan trong quá trình nhận thức. Các học sinh nam đã có tốc độ phát triển vượt trội hơn so với học sinh nữ cùng tuổi. Xét chung cả hai giới, trong giai đoạn từ 9-10 tuổi có sự phát triển đồng đều, nhưng từ 10-11 tuổi, không nhận thấy sự khác biệt giữa hai lứa tuổi nữa (do sự chững lại quá lớn của học sinh nữ 11 tuổi). Nếu so sánh từ lớp 3 đến lớp 5, ta thấy rõ sự phát triển mạnh mẽ theo lứa tuổi ở cả tay phải, tay trái và hai tay. Ở đây, đặc điểm về giới lại bộc lộ rõ. Sự phát triển trí nhớ xúc giác ở các em nữ không thể hiện rõ, chỉ có sự phát triển của hoạt động bán cầu não trái được bộc lộ ($p = 0,05$). Trong khi đó, hoạt động của bán cầu não phải và khả năng phối hợp hoạt động giữa hai bán cầu não trái và phải được phát triển mạnh mẽ ở học sinh nam. Trẻ em thuộc lứa tuổi 9-11 tiếp tục có biểu hiện sự mất đối xứng trong hoạt động của bán cầu não, trong đó bán cầu não phải giữ vai trò chủ đạo. Sự phối hợp giữa hai bán cầu não

thay đổi không đáng kể trong giai đoạn từ lớp 4 đến lớp 5. Vai trò chủ đạo của bán cầu não phải trong trí giác xúc giác tiếp tục được khẳng định.

Vai trò chủ đạo của bán cầu đại não phải so với bán cầu đại não trái được duy trì và tiếp tục tăng lên theo lứa tuổi từ 9 đến 11 tuổi (45%, 60%, 61%). Tuy nhiên, khả năng phối hợp hoạt động giữa hai bán cầu đại não được nâng cao dần và chiếm ưu thế ngay cả với bán cầu đại não phải khi trẻ 11 tuổi (40, 48, 57%). Vai trò của bán cầu não trái trong trí nhớ xúc giác ngày càng giảm dần so với bán cầu não phải cũng như với cả sự phối hợp của hai bán cầu đại não.

Tóm lại, trí nhớ xúc giác của học sinh đã phát triển từ lớp 3 đến lớp 5 như sau: số lượng hình nhận biết đúng tăng lên. Trí nhớ xúc giác khi sử dụng tay phải thấp hơn khi sử dụng tay trái. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định tính không đối xứng trong hoạt động của bán cầu đại não, đồng thời cũng xác định được tính ưu thế của bán cầu não trái so với bán cầu não phải về chức năng phân tích cảm giác và trí nhớ xúc giác ngắn hạn. Kết luận này phù hợp với những nghiên cứu của B.G.Ananhiev (1960) và nhiều người khác. Ở những người thuận tay phải thì tay trái có sự nhạy cảm da cao hơn và chính xác hơn. Ở những người thuận tay trái không thấy rõ sự khác biệt giữa tay phải và tay trái khi nghiên cứu cảm giác xúc giác da. Trong cùng một thời gian tiếp xúc sờ mó (cảm nhận xúc giác) hai hình hình học, tay trái nhận ra hình tốt hơn, rõ hơn, nhanh hơn ngay khi trẻ mới lên 6 tuổi (Viletsons 1974). Thời gian sờ mó bằng tay trái lên đồ vật và sự cảm nhận nó bằng trí giác cũng nhanh hơn và chính xác hơn bằng tay phải (B.G.Ananhiev, L.M.Becher, B.P.Lômôv, 1981).

3. Kết luận

3.1. Số lượng hình hình học nhận dạng bằng xúc giác (nhận cảm bằng sờ mó của tay) của trẻ lớp 4 nhiều hơn của trẻ lớp 3 và của trẻ lớp 5 nhiều hơn của trẻ lớp 4, của bé trai nhanh hơn của bé gái cùng tuổi, khác với đầu cấp tiểu học. Trí nhớ xúc giác của trẻ cuối cấp tiểu học (9-11 tuổi) phát triển tăng dần theo lứa tuổi và phụ thuộc vào đặc điểm giới tính của các cháu. Giữa bé trai và bé gái có sự khác nhau về dung lượng

trí nhớ xúc giác và độ chính xác tương đối của khả năng nhận dạng hình hình học, đặc biệt là ở trẻ 10-11 tuổi.

3.2. Tay trái là tay chủ đạo trong chức năng vận động- xúc giác đối với tất cả những trẻ thuận tay phải với chức năng vận động không đối xứng của bán cầu đại não. Vai trò của các thể chức năng không đối xứng tiếp tục được duy trì ở trẻ em cuối cấp tiểu học (9-11 tuổi). Chức năng vận động ưu thế thuộc về bán cầu não trái, và chức năng sờ mó xúc giác ưu thế thuộc về bán cầu não phải. Hai bán cầu đại não lại có chức năng đối xứng khi đồng thời xuất hiện cả chức năng vận động lẫn chức năng xúc giác trí nhớ hình hình học.

3.3. Trí nhớ xúc giác của các trẻ nam phát triển liên tục trong 3 năm liền từ 9 đến 11 tuổi và có sự khác biệt đáng kể giữa tay phải, tay trái và hai tay, đặc biệt sự phối hợp giữa hai tay đạt kết quả cao dần. Nhưng sự phát triển đó ở các em nữ chỉ mạnh mẽ trong giai đoạn từ 9-10 tuổi. Đến 11 tuổi, các em nữ có xu hướng phát triển ngược lại, thấp hơn kết quả đạt được lúc 10 tuổi và không có sự phân hóa rõ rệt giữa tay phải, tay trái và hai tay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Piaget J. (1996). *Tuyển tập tâm lí học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Laytex.X. (1980). *Năng lực trí tuệ và lứa tuổi*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Trần Thị Tố Oanh (2001). *Đặc điểm phát triển trí nhớ xúc giác ở trẻ em đầu cấp tiểu học (7-8 tuổi)*. Tlc Giáo dục, số 11.
4. Daniel Druckman and John I. Lacey (1989). *Brain and Cognition-Some New Technologies*. National Academy Press, Washington, DC

SUMMARY

The article introduces characteristics of touching sense memory of children at the last grade of primary (aged 9-11) through data collected by experimental study.

GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

• **PGS. TS. NGUYỄN THANH BÌNH**
Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Sự cần thiết phải giáo dục kĩ năng sống (KNS) cho học sinh trung học phổ thông

1.1. Xã hội hiện đại có sự thay đổi toàn diện về kinh tế, văn hoá, xã hội và lối sống với tốc độ nhanh đã làm nảy sinh những vấn đề mà trước đây con người chưa gặp, chưa trải nghiệm, chưa phải ứng phó, đương đầu. Hoặc có những vấn đề đã xuất hiện trước đây, nhưng nó chưa phức tạp, khó khăn như hiện nay. Con người trước đây ít gặp những thách thức, còn bây giờ con người phải đương đầu với rất nhiều áp lực trong công việc, trong cuộc sống gia đình và xã hội, đòi hỏi họ phải có những KNS cần thiết để giải quyết có hiệu quả những vấn đề đa dạng mà xã hội hiện đại đặt ra. Vì vậy, kĩ năng sống là một hợp phần quan trọng trong nhân cách con người sống trong xã hội hiện đại, và việc giáo dục KNS thực sự là một nhu cầu cần thiết đối với con người.

1.2. *Kĩ năng sống là gì?* Có nhiều quan niệm về KNS và mỗi quan niệm lại được diễn đạt theo những cách khác nhau.

- Có quan niệm coi KNS là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày [5].

- Theo Tổ chức y tế thế giới (WHO), đó là những kĩ năng mang tính tâm lí xã hội và kĩ năng về giao tiếp được vận dụng trong những tình huống hàng ngày để tương tác một cách hiệu quả với người khác và giải quyết có hiệu quả những vấn đề, những tình huống của cuộc sống hàng ngày.

- Tương đồng với quan niệm của WHO, còn có quan niệm KNS là những kĩ năng tâm lí xã hội liên quan đến những tri thức, những giá trị và những thái độ, cuối cùng được thể hiện ra bằng những hành vi làm cho các cá nhân có thể thích nghi và giải quyết có hiệu quả các yêu cầu và thách thức của cuộc sống [3].

Như vậy, các KNS nhằm giúp chúng ta chuyển dịch kiến thức- "cái chúng ta biết" và thái độ, giá trị - "cái chúng ta nghĩ, cảm thấy, tin tưởng" thành hành động thực tế - "làm gì và làm cách nào" là tích cực nhất và mang tính chất xây dựng.

1.3. Chúng ta mong muốn mỗi người đều có cuộc sống lành mạnh, chất lượng và tạo ra sự phát triển bền vững, cho nên trách nhiệm của

mỗi quốc gia phải đảm bảo cho mọi người được tiếp cận chương trình giáo dục KNS phù hợp (mục tiêu 3) và KNS cần được coi như một nội dung của chất lượng giáo dục (mục tiêu 6) [1]. Như vậy, triển khai giáo dục KNS cho người học và coi KNS như một tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục chính là đáp ứng nhu cầu thiết thực đối với cuộc sống của người học, vì hạnh phúc và chất lượng cuộc sống của họ. Điều này vừa thể hiện tính nhân văn vừa thể hiện tính thực dụng của quan điểm "Dạy học/ giáo dục hướng vào người học". Tính nhân văn thể hiện ở khía cạnh giáo dục KNS vì chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của con người. Còn tính thực dụng thể hiện ở khía cạnh: giáo dục trang bị cho người học cái mà họ cần để đương đầu/ đáp ứng những thách thức của cuộc sống- đó là những KNS phù hợp với từng loại đối tượng người học.

Học sinh(HS) trung học phổ thông (THPT) là lứa tuổi đang ở độ trưởng thành, nhưng trên thực tế các em chưa được tiếp cận chương trình giáo dục KNS phù hợp theo tinh thần của chương trình hành động Dakar về giáo dục cho mọi người. Nguyên nhân của hạn chế này là vấn đề giáo dục KNS cho người học chưa được thể chế hóa trong chính sách giáo dục ở Việt Nam, giáo viên chưa được đào tạo về KNS...

2. Nhu cầu được giáo dục KNS của HS THPT

2.1. KNS vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội. KNS mang tính cá nhân vì đó là năng lực của cá nhân. KNS còn mang tính xã hội vì trong mỗi một giai đoạn, phát triển của lịch sử xã hội, ở mỗi vùng miền lại đòi hỏi mỗi cá nhân có những KNS thích hợp. Do đó khi xác định nội dung giáo dục KNS cho người học cần phải tìm hiểu nhu cầu của họ và nghiên cứu tìm ra những kĩ năng sống cần thiết cho từng độ tuổi, vùng, miền.

2.2. Không thể áp đặt một chương trình giáo dục KNS cho HS THPT. Kết quả điều tra ở 3 trường THPT là Nguyễn Tất Thành, Đinh Tiên Hoàng (Hà Nội) và Mĩ hào (Hưng Yên) cho thấy: những KNS rất cần thiết và cần được giáo dục cho lứa tuổi HS THPT được sắp xếp theo thứ tự như sau [2]: